

Đinh Trung Kiên

YÊU CẦU KỸ THUẬT/ ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ

Vật tư ứng cứu sự cố/ Оборудование для аварийного реагирования

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG:

- Căn cứ nhu cầu phục vụ công tác ứng cứu sự cố khẩn cấp.
- В соответствии с потребностями, обусловленными необходимостью ведения работ аварийного реагирования.
- Hiện tại ban U CSC TTAT-BMT đang tham gia việc trực ứng cứu sự khẩn cấp trong khu vực hoạt động của Vietsovpetro bao gồm: Vùng mỏ Bạch Hổ- Rồng ... Các trang thiết bị, dụng cụ hiện có của các đội ứng cứu sự cố không đáp ứng được yêu cầu thực tế khi trên công trình sự cố... Vì vậy cần trang bị các vật tư ứng cứu sự cố chuyên dụng cho đội ứng cứu sự cố.

В настоящее время СЛА ЦСБВРиООС решает задачи по предупреждению и ликвидации аварийных и чрезвычайных ситуаций в зонах деятельности Вьетсовпетро на месторождениях Белый Тигр, Дракон, и т. д. Однако имеющееся оборудование и инструменты аварийно-спасательных формирований не отвечают фактическим требованиям при возникновении происшествий на объектах. В связи с этим необходимо оснастить данные формирования специализированными материалами для ликвидации чрезвычайных ситуаций

2. YÊU CẦU CHUNG / ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ:

2.1. Các yêu cầu cơ bản / Основные требования:

- Đảm bảo hàng hóa 100% chưa qua sử dụng, được chế tạo theo đúng tiêu chuẩn quốc tế, và phải sản xuất không sớm hơn Quý I năm 2024.

- Гарантировать, что товар на 100% новый, изготовлен в соответствии с международными стандартами и произведён не ранее I квартала 2024 года.
- Giao hàng đầy đủ trong vòng 120 ngày lịch kể từ ngày ký kết hợp đồng cho đến ngày lập biên bản giao nhận hàng hóa.
- Полная поставка в течение 120 календарных дней с даты подписания контракта до даты составления акта приёмки.
- Địa điểm giao hàng: TTAT&BVMT số 52, 30/4, P. Rạch Dừa, TP. HCM

2.2. Thời hạn bảo hành/ Срок гарантии:

- Bảo hành 12 tháng kể từ ngày cấp hàng.
- 12 месяцев с даты поставки.

3. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ VÀ CẤU TRÚC ĐỐI VỚI PHẦN CHÍNH CỦA THIẾT BỊ VÀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH RIÊNG BIỆT:

Yêu cầu về tính năng:

3.1 Các thông số kỹ thuật chính:

No.	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật
1.	Bơm thủy lực dẫn động bằng khí nén	<p>Bơm thủy lực dẫn động bằng khí nén 1.6 lít, 2 chiều:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại bơm: tác động kép (Double Acting) - Áp suất làm việc lớn nhất: 700 bar. - Áp suất khí ngõ vào: 7 – 10 bar. - Dung tích hữu dụng: 1300ml - Dung tích thùng dầu: 1,6 lít - Ngõ xả khí có giảm áp, chống ồn - Các cấu kiện làm bằng hợp kim nhôm, nhẹ. - Dễ dàng sử dụng và vận chuyển ngoài công trường. - Gắn sẵn van giảm áp giúp bảo vệ an toàn - Thương hiệu BETEX hoặc tương đương
2.	Bộ phụ kiện	<p>Bộ phụ kiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 Khớp nối nhanh đầu đực cho dây thủy lực. - 02 Dây thủy lực 1.8m, đường kính trong: 6.4mm - 01 Chân chia ngã cho đồng hồ áp suất. - 01 Đồng hồ áp suất 1000 bar, ren NPT 1/4". - 01 Cặp chân nối cho đồng hồ áp suất. - Áp suất làm việc max: 700 bar/10000 psi. - Kiểu ren khớp nối nhanh 3/8 inch - Thương hiệu BETEX hoặc tương đương

4. SỐ LƯỢNG PHỤ TÙNG VÀ GỬI HÀNG / КОЛИЧЕСТВО И ПОСТАВКА ЗАПАСНЫХ ЧАСТЕЙ:

4.1. Số lượng phụ tùng: Theo danh mục hàng hóa.

Количество: Согласно перечню товаров.

4.2. Số lần giao hàng: 01 đợt.

Поставка: В один этап.

5. YÊU CẦU VỀ ĐÓNG GÓI HÀNG VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO/ ТРЕБОВАНИЯ К УПАКОВКЕ И СОПРОВОДИТЕЛЬНЫМ ДОКУМЕНТАМ:

- Hàng hóa đóng gói theo đúng tiêu chuẩn xuất khẩu, thuận tiện trong quá trình vận chuyển và bốc xếp.

Упаковка товара должна соответствовать экспортным стандартам, быть удобной для транспортировки и погрузки.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA PHỤ TÙNG VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO/ МЕТОД ОЦЕНКИ СООТВЕТСТВИЯ:

- Đánh giá kỹ thuật cho từng mục trong danh mục hàng hoá. Техническая оценка по каждому пункту перечня.

- Nhà thầu đạt yêu cầu mục nào trong danh mục hàng hoá được xem là đạt yêu cầu kỹ thuật của mục đó. Подрядчик, соответствующий пункту, считается соответствующим техническим требованиям.

7. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT/ ТРЕБОВАНИЯ К ТЕХНИЧЕСКОЙ ДОКУМЕНТАЦИИ:

- Catalogue và tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Каталог и руководство по эксплуатации.

- Các tài liệu viết bằng tiếng Anh hoặc Tiếng Việt.

Документация на английском или вьетнамском языках.

- Hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, lưu giữ, sửa chữa. Инструкции по использованию, техническому обслуживанию, хранению и ремонту.

8. CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT/ НЕОБХОДИМЫЕ СЕРТИФИКАТЫ:

8.1. Chứng chỉ xuất xứ hàng do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất / xuất khẩu cấp (bản gốc) hoặc bản copy có đóng dấu của nhà nhập khẩu.

Сертификат происхождения товара, выданный уполномоченным органом страны-производителя / экспортёра (оригинал) или копия с печатью импортёра.

8.2. Chứng chỉ chất lượng hàng của nhà sản xuất (bản gốc) hoặc bản copy có đóng dấu của nhà nhập khẩu.

Сертификат качества товара от производителя (оригинал) или копия с печатью импортёра.

Trưởng ban U'CS/ Начальник СЛА:

Nguyễn Bá Cường

Ng.thực hiện:

Tel: 8713